

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2023/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO 2

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định xử phạt vi phạm hành chính
về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Năng lượng nguyên tử ngày 3 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 6 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Phòng, chống rửa tiền ngày 15 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết 1540 của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc ngày 28 tháng 4 năm 2004 về không phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

Căn cứ 40 Khuyến nghị của Lực lượng đặc nhiệm tài chính về phòng chống rửa tiền quốc tế (FATF) tháng 02 năm 2012;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Hành vi vi phạm hành chính liên quan đến phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt chưa được quy định tại Nghị định này thì thực hiện theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nghị định này áp dụng đối với:

a) Tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện hành vi vi phạm hành chính về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt trong lãnh thổ Việt Nam, trên tàu thuyền mang cờ quốc tịch Việt Nam và tàu bay mang quốc tịch Việt Nam dù đang ở bất cứ nơi nào;

b) Người có thẩm quyền lập biên bản và người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này;

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến xử lý vi phạm hành chính về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Tổ chức quy định tại điểm a khoản 1 Điều này gồm:

a) Cơ quan nhà nước có hành vi vi phạm hành chính mà hành vi đó không thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao;

b) Doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam; chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp nước ngoài hoạt động tại Việt Nam;

c) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác;

d) Tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập;

đ) Tổ chức xã hội, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

3. Hộ kinh doanh đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật, hộ gia đình, cộng đồng dân cư thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này bị xử phạt vi phạm như đối với cá nhân.

Điều 3. Hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả

1. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính chỉ bị áp dụng một hình thức xử phạt chính sau:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền;

c) Trục xuất.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính có thể bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề từ 01 đến 24 tháng hoặc đình chỉ hoạt động từ 01 tháng đến 24 tháng;

c) Trục xuất.

3. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính, ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu;

b) Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh;

c) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tái xuất hàng hóa, vật phẩm, phương tiện;

d) Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại;

đ) Buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn;

e) Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hóa, bao bì hàng hóa, phương tiện kinh doanh, vật phẩm;

g) Buộc thu hồi sản phẩm, hàng hóa có chứa thông tin về vũ khí hủy diệt hàng loạt;

h) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính hoặc buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật;

i) Buộc thực hiện quyết định của cơ quan có thẩm quyền trong phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

k) Buộc khai báo đầy đủ thông tin liên quan đến hoạt động phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

l) Buộc thực hiện hoạt động thông tin, tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định.

4. Hình thức xử phạt trục xuất đối với người nước ngoài có thể là hình thức xử phạt chính hoặc hình thức xử phạt bổ sung.

Điều 4. Mức phạt tiền và thẩm quyền phạt tiền

1. Mức phạt tiền tối đa đối với hành vi vi phạm hành chính về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt đối với cá nhân là 75.000.000 đồng, đối với tổ chức là 150.000.000 đồng.

2. Mức phạt tiền quy định tại Chương II Nghị định này được áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính của cá nhân. Trường hợp tổ chức thực hiện hành vi vi phạm như của cá nhân thì mức phạt tiền bằng hai lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

3. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Chương III Nghị định này là thẩm quyền xử phạt đối với cá nhân. Trong trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt đối với tổ chức bằng hai lần thẩm quyền xử phạt đối với cá nhân.

Điều 5. Thủ tục xử phạt đối với những hành vi đồng thời được quy định trong Bộ luật Hình sự

Khi phát hiện hành vi vi phạm quy định Nghị định này có dấu hiệu tội phạm thì người có thẩm quyền đang thụ lý vụ việc phải chuyển hồ sơ vụ vi phạm đến cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự để xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại các khoản 1, 2 và 4 Điều 62 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự có quyết định không khởi tố vụ án hình sự; quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự; quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự; quyết định đình chỉ điều tra bị can; quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự đối với bị can; quyết định đình chỉ vụ án; quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố bị can và trả lại hồ sơ vụ việc cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đã chuyển hồ sơ đến, thì chuyển hồ sơ vụ vi phạm đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 3 Điều 62 và Điều 63 Luật Xử lý vi phạm hành chính để xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 6. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt là 01 năm.

2. Thời điểm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này như sau:

a) Đối với hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc thì thời hiệu được tính từ thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm;

b) Đối với hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện thì thời hiệu được tính từ thời điểm người có thẩm quyền thi hành công vụ phát hiện hành vi vi phạm.

3. Trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này mà cá nhân, tổ chức cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được tính lại kể từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt.

Điều 7. Thủ tục xử phạt, thi hành quyết định xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả

1. Thủ tục xử phạt, thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt áp dụng quy định tương ứng tại Chương III Phần thứ Hai Luật Xử lý vi phạm hành chính và quy định tại Nghị định này.

2. Trong trường hợp chỉ áp dụng hình thức phạt tiền đối với cá nhân, tổ chức vi phạm thì người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính có quyền tạm giữ giấy tờ liên quan đến phương tiện, chứng chỉ chuyên môn cho đến khi cá nhân, tổ chức chấp hành xong quyết định xử phạt. Nếu cá nhân, tổ chức vi phạm không có những giấy tờ nói trên thì người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được quyền yêu cầu cá nhân, tổ chức vi phạm đưa phương tiện về trụ sở cơ quan để giải quyết hoặc tạm giữ tang vật, phương tiện theo thẩm quyền.

3. Trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được quyền yêu cầu cá nhân, tổ chức vi phạm đưa phương tiện về trụ sở cơ quan để giải quyết hoặc tạm giữ tang vật, phương tiện theo thẩm quyền.

Chương II

HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT, BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ VỀ PHÒNG, CHỐNG PHỔ BIẾN VŨ KHÍ HỦY DIỆT HÀNG LOẠT

Điều 8. Vi phạm quy định về khai báo thông tin có liên quan đến phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không thông báo, khai báo hoặc thông báo, khai báo không đầy đủ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi biết thông tin liên quan đến hoạt động phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân tiếp nhận thông tin đề nghị hỗ trợ hoặc đề nghị tham gia phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt mà không khai báo, khai báo sai, khai báo không đầy đủ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu tang vật, phương tiện có chứa thông tin đề nghị hỗ trợ hoặc đề nghị tham gia phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khai báo đầy đủ thông tin liên quan đến hoạt động phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Điều 9. Vi phạm quy định về thông tin, tuyên truyền, giáo dục phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Cản trở việc thực hiện quyền được thông tin, tìm hiểu về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt của công dân;

b) Cản trở hoạt động thông tin, tuyên truyền, giáo dục phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp thông tin, tài liệu giáo dục phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt có nội dung sai sự thật, trái pháp luật, trái đạo đức xã hội, truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi thông tin, tuyên truyền, giáo dục không đúng, không đầy đủ về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện hoặc thực hiện không đúng phạm vi trách nhiệm thông tin, tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi lợi dụng hoạt động thông tin, tuyên truyền, giáo dục phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt để xuyên tạc quan điểm, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tuyên truyền chính sách thù địch, gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc; xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

6. Hình thức xử phạt bổ sung

a) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 5 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, chứng chỉ hành nghề từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 3, 4, 5 Điều này;

c) Trục xuất đối với người nước ngoài có hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc thực hiện hoạt động thông tin, tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định;

b) Buộc cải chính thông tin bị sai lệch về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

c) Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hóa, bao bì hàng hóa, phương tiện kinh doanh, vật phẩm, môi trường chứa yếu tố vi phạm;

d) Buộc thu hồi vật chứa thông tin sai lệch về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

đ) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính tại Điều này.

Điều 10. Vi phạm quy định về quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ liên quan đến phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

Hành vi vi phạm, hình thức và mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với vi phạm quy định về quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ liên quan đến phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt áp dụng quy định tương ứng tại Điều 11 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình.

Điều 11. Vi phạm quy định về bảo vệ bí mật nhà nước liên quan đến công tác phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

Hành vi vi phạm, hình thức và mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với vi phạm quy định về bảo vệ bí mật nhà nước liên quan đến công tác phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt áp dụng quy định tương ứng tại Điều 19 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình.

Điều 12. Vi phạm quy định về kiểm soát khu vực biên giới và trên biển liên quan đến phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Hành vi vi phạm, hình thức và mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với vi phạm quy chế biên giới đất liền; quy chế quản lý cửa khẩu biên giới đất liền; quản lý hoạt động của người, phương tiện trong khu vực biên giới biển; vi phạm quy định về bảo đảm an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng; vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới ngoài khu vực cửa khẩu nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự; vi phạm các quy định về tàng trữ, mua bán, vận chuyển, trao đổi hàng hóa ở khu vực biên giới liên quan đến phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt áp dụng quy định tương ứng tại các Điều 6, 7, 8, 9, 12 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 37/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu; quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia; trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Hành vi vi phạm, hình thức và mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với vi phạm quy định về kiểm soát phương tiện, tiền, vũ khí, hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và an ninh, trật tự trên biển liên quan đến công tác phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt áp dụng quy định tương ứng tại Nghị định số 162/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục

địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 23/2017/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 162/2013/NĐ-CP và Nghị định số 37/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu; quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia; trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 13. Vi phạm quy định về xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú và đi lại liên quan đến phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

Hành vi vi phạm, hình thức và mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với vi phạm quy định về xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú và đi lại liên quan đến phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt áp dụng quy định tương ứng tại Điều 18 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình.

Điều 14. Vi phạm quy định về duy trì tuyên bố công khai rõ ràng trên trang web trong việc tạm ngừng lưu thông, tạm giữ và phong tỏa tài sản không chậm trễ đối với tài sản hoặc tài sản có liên quan đến vũ khí hủy diệt hàng loạt của tổ chức, cá nhân bị chỉ định

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện, thực hiện không đầy đủ các biện pháp để duy trì tuyên bố công khai rõ ràng trên trang web trong việc tạm ngừng lưu thông, tạm giữ và phong tỏa tài sản không chậm trễ đối với tài sản hoặc tài sản có liên quan đến vũ khí hủy diệt hàng loạt của tổ chức, cá nhân bị chỉ định.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi cản trở việc duy trì tuyên bố công khai rõ ràng trên trang web trong việc tạm ngừng lưu thông, tạm giữ và phong tỏa tài sản không chậm trễ đối với tài sản hoặc tài sản có liên quan đến vũ khí hủy diệt hàng loạt của tổ chức, cá nhân bị chỉ định.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng đối với hành vi làm sai lệch, xóa bỏ thông tin tuyên bố công khai rõ ràng trên trang web trong việc tạm ngừng lưu thông, tạm giữ và phong tỏa tài sản không chậm trễ đối với tài sản hoặc tài sản có liên quan đến vũ khí hủy diệt hàng loạt của tổ chức, cá nhân bị chỉ định.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính quy định tại các khoản 2, 3 Điều này;

b) Trục xuất.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc duy trì tuyên bố đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của tuyên bố công khai rõ ràng trên trang web trong việc tạm ngừng lưu thông, tạm giữ và phong tỏa tài sản không chậm trễ đối với tài sản hoặc tài sản có liên quan đến vũ khí hủy diệt hàng loạt của tổ chức, cá nhân bị chỉ định đối với hành vi quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 15. Vi phạm quy định về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Lợi dụng hoạt động giao thông vận tải để tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

b) Lợi dụng hoạt động xuất bản, báo chí, bưu chính, viễn thông, in, phát hành, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin, điện tử, phát thanh và truyền hình, thông tin điện tử, thông tấn, thông tin đối ngoại, thông tin cơ sở để tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

c) Lợi dụng hoạt động vệ sinh an toàn thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, dược phẩm, mỹ phẩm, bệnh phẩm, phân bón và các loại hàng hóa, vật tư, thiết bị và công nghệ lưỡng dụng có liên quan để tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

d) Lợi dụng hoạt động tác nhân sinh học, hóa học, vật liệu phóng xạ, hạt nhân, vật tư, thiết bị, công nghệ lưỡng dụng có liên quan và thiết bị, hệ thống phát tán để tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

đ) Lợi dụng hoạt động hóa chất thương mại để tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

2. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng đối với hành vi hỗ trợ, cung cấp tiền, tài sản cho các chủ thể nhà nước hoặc phi nhà nước để phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

3. Hình thức xử phạt bổ sung

a) Tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy phép hoạt động từ 12 tháng đến 24 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Trục xuất đối với người nước ngoài có hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc loại bỏ thông tin về vũ khí hủy diệt hàng loạt trên hàng hóa, vật phẩm hoặc môi trường có chứa thông tin về vũ khí hủy diệt hàng loạt đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm thông tin về vũ khí hủy diệt hàng loạt đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Buộc thu hồi sản phẩm, hàng hóa đối với hành vi quy định tại các điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều này;

d) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính hoặc buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.

đ) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu hoặc chịu trách nhiệm chi phí để thực hiện khôi phục tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 16. Vi phạm quy định về phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Lợi dụng hoạt động giao thông vận tải để phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

b) Lợi dụng hoạt động xuất bản, báo chí, bưu chính, viễn thông, in, phát hành, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin, điện tử, phát thanh và truyền hình, thông tin điện tử, thông tấn, thông tin đối ngoại, thông tin cơ sở để phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

c) Lợi dụng hoạt động vệ sinh an toàn thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, dược phẩm, mỹ phẩm, bệnh phẩm, phân bón và các loại hàng hóa, vật tư, thiết bị và công nghệ lưỡng dụng có liên quan để phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

d) Lợi dụng hoạt động tác nhân sinh học, hóa học, vật liệu phóng xạ, hạt nhân, vật tư, thiết bị, công nghệ lưỡng dụng có liên quan và thiết bị, hệ thống phát tán để phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

đ) Lợi dụng hoạt động hóa chất thương mại để phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Tuyên truyền, phổ biến kiến thức, công trình nghiên cứu khoa học, các thành phần tiền chất, vật liệu liên quan nhằm thực hiện trái pháp luật các hoạt động nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sở hữu, mua lại, dự trữ, lưu trữ, phát triển, vận chuyển, bán, cung cấp, chuyển nhượng, chuyển giao công nghệ, xuất khẩu, nhập khẩu, trung chuyển và sử dụng vũ khí hủy diệt hàng loạt hoặc các hoạt động có liên quan được quy định trong các nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc có liên quan đến phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

b) Giới thiệu, thông tin, quảng cáo trái pháp luật về vũ khí hủy diệt hàng loạt bằng bất kỳ hình thức nào, trong bất kỳ môi trường nào.

3. Phạt tiền từ 65.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sở hữu, mua lại, dự trữ, lưu trữ, phát triển, vận chuyển, bán, cung cấp, chuyển nhượng, chuyển giao công nghệ, xuất khẩu, nhập khẩu, trung chuyển vũ khí hủy diệt hàng loạt trái pháp luật nhưng chưa tới mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Sử dụng trái pháp luật vũ khí hủy diệt hàng loạt nhưng chưa tới mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Cung cấp đào tạo kỹ thuật, tư vấn, dịch vụ, môi giới, hỗ trợ bất kỳ hoạt động nào liên quan đến hành vi quy định tại điểm a Khoản này.

d) Thực hiện các hoạt động khác có liên quan đến phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được quy định trong các nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc có liên quan một cách trái pháp luật.

4. Hình thức xử phạt bổ sung

a) Tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy phép hoạt động từ 12 tháng đến 24 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Trục xuất đối với người nước ngoài có hành vi vi phạm quy định tại các khoản 2, 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc loại bỏ thông tin về vũ khí hủy diệt hàng loạt trên hàng hóa, vật phẩm hoặc môi trường có chứa thông tin về vũ khí hủy diệt hàng loạt đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm thông tin về vũ khí hủy diệt hàng loạt đối với hành vi quy định tại khoản 2, 3 Điều này;

c) Buộc thu hồi sản phẩm, hàng hóa đối với hành vi quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều này;

d) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính hoặc buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại Điều này;

đ) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu hoặc chịu trách nhiệm chi phí để thực hiện khôi phục tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương III

THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

Điều 17. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính

1. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này khi thi hành công vụ, nhiệm vụ liên quan đến phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Công chức, viên chức, người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân đang thi hành công vụ, nhiệm vụ được giao về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định.

3. Chỉ huy tàu bay, trưởng tàu, thuyền trưởng đang thi hành nhiệm vụ theo chức năng, quyền hạn được giao có quyền lập biên bản vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm xảy ra trên tàu bay, tàu biển, phương tiện được giao chỉ huy, điều khiển.

Điều 18. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền không quá 5.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, d, đ khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền không quá 37.500.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, d, đ, g, h, i khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 75.000.000đ;

c) Tịch quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

Điều 19. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Công an nhân dân

1. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

2. Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp đại đội, trạm trưởng, đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.500.000 đồng.

3. Trưởng Công an cấp xã, Trưởng đồn Công an, Trạm trưởng Trạm Công an cửa khẩu, khu chế xuất có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, d khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

4. Trưởng Công an cấp huyện; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ, Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy, Trưởng phòng Cảnh sát cơ động, Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Trưởng phòng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Trưởng phòng Quản lý xuất nhập cảnh, Trưởng phòng An ninh kinh tế, Trung đoàn trưởng Trung đoàn Cảnh sát cơ động, Thủy đoàn trưởng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, b, d, i khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

5. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 37.500.000 đồng;

c) Trục xuất;

d) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

đ) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

e) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, d, h, i khoản 3 Nghị định này.

6. Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Cục trưởng Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Cục trưởng Cục An ninh nội địa, Tư lệnh Cảnh sát cơ động có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, d, h, i khoản 3 Nghị định này.

Điều 20. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Bộ đội biên phòng

1. Chiến sĩ Bộ đội Biên phòng đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

2. Trạm trưởng, đội trưởng của người quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng.

3. Đội trưởng Đội đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 7.500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, d khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

4. Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Biên phòng Cửa khẩu cảng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, d, i khoản 3 Nghị định này.

5. Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 37.500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, d, i khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

6. Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng cấp tỉnh; Hải đoàn trưởng Hải đoàn biên phòng, Cục trưởng Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, d, h khoản 3 Nghị định này.

Điều 21. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Cảnh sát biển

1. Cảnh sát viên Cảnh sát biển đang thi hành công vụ có quyền:
 - a) Phạt cảnh cáo;
 - b) Phạt tiền đến không quá 1.500.000 đồng.
2. Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển có quyền:
 - a) Phạt cảnh cáo;
 - b) Phạt tiền đến 3.750.000 đồng.
3. Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng Trạm Cảnh sát biển có quyền:
 - a) Phạt cảnh cáo;
 - b) Phạt tiền đến 7.500.000 đồng;
 - c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, d khoản 3 Điều 3 Nghị định này.
4. Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển có quyền:
 - a) Phạt cảnh cáo;
 - b) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng;
 - c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;
 - d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, i khoản 3 Điều 3 Nghị định này.
5. Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển; Đoàn trưởng Đoàn trinh sát, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:
 - a) Phạt cảnh cáo;
 - b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;
 - c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;
 - d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, d, i khoản 3 Điều 3 Nghị định này.
6. Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và Pháp luật thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:
 - a) Phạt cảnh cáo;
 - b) Phạt tiền đến 37.500.000 đồng;
 - c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn;
 - d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, d, i khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

7. Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, d, i khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

Điều 22. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của thanh tra

1. Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, d khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

2. Chánh Thanh tra sở; Chánh Thanh tra Cục An toàn bức xạ và hạt nhân; Chánh Thanh tra quốc phòng quân khu có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 37.500.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

3. Chánh Thanh tra bộ, cơ quan ngang bộ, Cục trưởng Cục An toàn bức xạ và hạt nhân, Cục trưởng Cục Viễn thông, Cục trưởng Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Cục trưởng Cục Báo chí, Cục trưởng Cục Xuất bản, In và Phát hành có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

4. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp sở, trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

5. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp bộ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 52.500.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

Điều 23. Phân định thẩm quyền xử phạt

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 18 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Người có thẩm quyền xử phạt của Công an nhân dân có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 19 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao thuộc lĩnh vực, địa bàn mình quản lý.

3. Người có thẩm quyền xử phạt của Bộ đội biên phòng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II theo thẩm quyền quy định tại Điều 20 Nghị định này trong phạm vi, lĩnh vực, địa bàn quản lý và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

4. Người có thẩm quyền xử phạt của Cảnh sát biển có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II theo thẩm quyền quy định tại Điều 21 Nghị định này trong phạm vi, lĩnh vực quản lý, trên các vùng biển và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

5. Các lực lượng Thanh tra và các chức danh có thẩm quyền xử phạt quy định tại Điều 22 Nghị định này có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II theo thẩm quyền trong phạm vi, lĩnh vực quản lý và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 72. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2023.

Điều 73. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

THỦ TƯỚNG

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội VHNTVN;
- Hội VHNT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (3).